

DANH SÁCH 102 THỬA ĐẤT THU HỒI ĐẤT CỦA 25 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
THUỘC DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG NÂNG CẤP, MỞ RỘNG TUYẾN ĐƯỜNG ĐT.773 (LONG THÀNH - CẨM MỸ - XUÂN LỘC),
HUYỆN XUÂN LỘC, CẨM MỸ, LONG THÀNH, ĐOẠN QUA XÃ XUÂN ĐÔNG, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
(Kèm theo Tờ trình số TTr-KT ngày / /2026 của Phòng Kinh tế xã Xuân Đông)

STT thửa đất	STT hộ	Mã hồ sơ	Tên	Địa chỉ	Số tờ mới	Số thửa mới	Loại đất thu hồi	DT Thu hồi đất	Số Thông báo thu hồi đất	Ngày thông báo thu hồi đất	Số Bv	Số BV VPDK	Số trích lục	Ghi chú
1	1	5	ông Nguyễn Văn Thành và bà Trần Thị Thanh	Ấp 7, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	64	4	đất trồng lúa nước còn lại	434,8	57	18/03/2026	BV7			
2			ông Nguyễn Văn Thành và bà Trần Thị Thanh	Ấp 7, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	64	5	đất trồng lúa nước còn lại	29,9	58	18/03/2026	BV7			
3			ông Nguyễn Văn Thành và bà Trần Thị Thanh	Ấp 7, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	64	6	đất trồng lúa nước còn lại	52,0	59	18/03/2026	BV7			
4			ông Nguyễn Văn Thành và bà Trần Thị Thanh	Ấp 7, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	64	7	đất trồng cây hằng năm khác	50,1	60	18/03/2026	BV7			
5			ông Nguyễn Văn Thành và bà Trần Thị Thanh	Ấp 7, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	64	612	đất trồng lúa nước còn lại	1.007,6	233	18/03/2026	BV7			
6	2	8	ông Ngô Đình	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	64	16	đất trồng lúa nước còn lại	205,4	68	18/03/2026	BV7			
7			ông Ngô Đình	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	64	17	đất trồng lúa nước còn lại	522,2	69	18/03/2026	BV7			
8			ông Ngô Đình	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	64	52	đất trồng lúa nước còn lại	35,8	70	18/03/2026	BV7			
9	3	9	ông Hoàng Ngọc Tranh và bà Nguyễn Thị Tám	Ấp 1, Xuân Đông, Đồng Nai	62	13	đất trồng lúa nước còn lại	1.465,2	75	18/03/2026	BV7			
10			ông Hoàng Ngọc Tranh và bà Nguyễn Thị Tám	Ấp 1, Xuân Đông, Đồng Nai	62	12	đất trồng lúa nước còn lại	244,9	74	18/03/2026	BV7			
11	4	12	ông Nguyễn Văn Hội và bà Hoàng Thị Kim Loan	Ấp 7, xã Xuân Đông	62	18	đất trồng lúa nước còn lại	1.059,1	82	18/03/2026	BV7			
12	5	23	bà Hồ Thị Lợi	Ấp 1, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	41	đất trồng lúa nước còn lại	1.019,3	109	18/03/2026	BV7			
13			bà Hồ Thị Lợi	Ấp 1, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	362	300,0m ² đất ở tại nông thôn và 1.111,2m ² đất trồng cây lâu năm	1.411,2	110	18/03/2026	BV7			
14	6	25	ông Bùi Văn Hòa	ấp Tây Minh, xã Xuân Phú	62	405	đất trồng lúa nước còn lại	2.045,5	114	18/03/2026	BV7			
15			ông Bùi Văn Hòa	ấp Tây Minh, xã Xuân Phú	62	80	đất trồng lúa nước còn lại	573,4	113	18/03/2026	BV7			
16			ông Bùi Văn Hòa	ấp Tây Minh, xã Xuân Phú	62	79	đất trồng lúa nước còn lại	1.091,1	112	18/03/2026	BV7			
17	7	27	ông Trương Quốc Vũ Anh	Ấp 1, Xuân Đông, TP. Đồng Nai	62	87	đất trồng cây lâu năm	814,8	120	18/03/2026	BV7			
18			ông Trương Quốc Vũ Anh	Ấp 1, Xuân Đông, TP. Đồng Nai	62	417	đất trồng lúa nước còn lại	186,5	231	18/03/2026	BV7			
19	8	28	ông Nguyễn Văn Hữu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	88	đất trồng lúa nước còn lại	130,1	121	18/03/2026	BV7			
20			ông Nguyễn Văn Hữu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	97	đất trồng lúa nước còn lại	1.068,5	122	18/03/2026	BV7			
21			ông Nguyễn Văn Hữu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	108	101,1 m ² (trong đó có 31,1m ² đất trồng lúa nước còn lại và 70,0m ² đất trồng cây hằng năm khác)	101,1	123	18/03/2026	BV7			
22			ông Nguyễn Văn Hữu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	109	317,4 m ² (trong đó có 67,4m ² đất trồng lúa nước còn lại và 250,0m ² đất trồng cây hằng năm khác)	317,4	124	18/03/2026	BV7			
23			ông Nguyễn Văn Hữu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	110	đất trồng cây hằng năm khác	135,8	125	18/03/2026	BV7			
24			ông Nguyễn Văn Hữu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	112	đất trồng cây hằng năm khác	183,2	126	18/03/2026	BV7			
25			ông Nguyễn Văn Hữu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	113	đất trồng cây hằng năm khác	104,7	127	18/03/2026	BV7			
26			ông Nguyễn Văn Hữu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	114	đất trồng cây hằng năm khác	87,9	128	18/03/2026	BV7			
27			ông Nguyễn Văn Hữu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	121	đất trồng lúa nước còn lại	761,7	129	18/03/2026	BV7			
28			ông Nguyễn Văn Hữu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	126	đất trồng lúa nước còn lại	279,2	130	18/03/2026	BV7			
29			ông Nguyễn Văn Hữu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	127	đất trồng lúa nước còn lại	266,1	131	18/03/2026	BV7			
30			ông Nguyễn Văn Hữu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	139	đất trồng lúa nước còn lại	151,9	133	18/03/2026	BV7			
31			ông Nguyễn Văn Hữu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	142	đất trồng lúa nước còn lại	5,4	132	18/03/2026	BV7			

STT thửa đất	STT hệ	Mã hồ sơ	Tên	Địa chỉ	Số tờ mới	Số thửa mới	Loại đất thu hồi	DT Thu hồi đất	Số Thông báo thu hồi đất	Ngày thông báo thu hồi đất	Số Bv	Số BV VPĐK	Số trích lục	Ghi chú
32	9	29	ông Nguyễn Phòng và bà Lê Thị Hằng	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	64	91	đất trồng lúa nước còn lại	1.425,8	135	18/03/2026	BV7			
33			ông Nguyễn Phòng và bà Lê Thị Hằng	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	64	111	đất trồng cây hằng năm khác	281,8	138	18/03/2026	BV7			
34			ông Nguyễn Phòng và bà Lê Thị Hằng	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	64	89	đất trồng cây hằng năm khác	2.794,9	134	18/03/2026	BV7			
35	10	34	ông Phạm Văn Huệ	Số 222, tổ 9, ấp 1, xã Nhơn Trạch, Thành phố Đồng Nai	64	116	đất trồng lúa nước còn lại	249,5	146	18/03/2026	BV7			
36			ông Phạm Văn Huệ		64	117	đất nông nghiệp khác	7,4	147	18/03/2026	BV7			
37			ông Phạm Văn Huệ		64	124	đất trồng cây lâu năm	407,4	165	18/03/2026	BV7			
38			ông Phạm Văn Huệ		64	163	đất trồng cây hằng năm khác	1.605,5	148	18/03/2026	BV7			
39			ông Phạm Văn Huệ		64	276	đất trồng lúa nước còn lại	1.210,0	166	18/03/2026	BV7			
40			ông Phạm Văn Huệ		64	277	đất nông nghiệp khác	270,1	154	18/03/2026	BV7			
41			ông Phạm Văn Huệ		64	282	đất nông nghiệp khác	131,3	149	18/03/2026	BV7			
42			ông Phạm Văn Huệ		64	283	đất nông nghiệp khác	172,9	155	18/03/2026	BV7			
43			ông Phạm Văn Huệ		64	284	đất nông nghiệp khác	168,3	156	18/03/2026	BV7			
44			ông Phạm Văn Huệ		64	286	đất nông nghiệp khác	103,7	150	18/03/2026	BV7			
45			ông Phạm Văn Huệ		64	287	đất nông nghiệp khác	193,1	157	18/03/2026	BV7			
46			ông Phạm Văn Huệ		64	288	đất nông nghiệp khác	307,8	288	18/03/2026	BV7			
47			ông Phạm Văn Huệ		64	289	đất nông nghiệp khác	137,7	160	18/03/2026	BV7			
48			ông Phạm Văn Huệ		64	290	đất trồng cây hằng năm khác	274,7	161	18/03/2026	BV7			
49			ông Phạm Văn Huệ		64	291	đất trồng cây hằng năm khác	163,1	162	18/03/2026	BV7			
50			ông Phạm Văn Huệ		64	366	đất trồng cây hằng năm khác	161,2	151	18/03/2026	BV7			
51			ông Phạm Văn Huệ		64	367	đất nông nghiệp khác	215,0	163	18/03/2026	BV7			
52			ông Phạm Văn Huệ		64	368	đất nông nghiệp khác	131,2	164	18/03/2026	BV7			
53			ông Phạm Văn Huệ		64	593	đất trồng cây hằng năm khác	100,2	152	18/03/2026	BV7			
54			ông Phạm Văn Huệ		64	621	đất trồng lúa nước còn lại	50,2	153	18/03/2026	BV7			
55	11	36	ông Lê Chí Hải	Ấp 1, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	129	đất trồng lúa nước còn lại	21,6	170	18/03/2026	BV7			
56			ông Lê Chí Hải	Ấp 1, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	130	đất trồng lúa nước còn lại	133,8	171	18/03/2026	BV7			
57			ông Lê Chí Hải	Ấp 1, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	132	đất trồng lúa nước còn lại	141,6	172	18/03/2026	BV7			
58			ông Lê Chí Hải	Ấp 1, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	133	đất trồng lúa nước còn lại	355,5	173	18/03/2026	BV7			
59			ông Lê Chí Hải	Ấp 1, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	134	đất trồng lúa nước còn lại	29,0	174	18/03/2026	BV7			
60			ông Lê Chí Hải	Ấp 1, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	137	đất trồng lúa nước còn lại	207,8	175	18/03/2026	BV7			
61			ông Lê Chí Hải	Ấp 1, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	62	419	đất trồng cây hằng năm khác	230,3	176	18/03/2026	BV7			

STT thửa đất	STT hộ	Mã hồ sơ	Tên	Địa chỉ	Số tờ mới	Số thửa mới	Loại đất thu hồi	DT Thu hồi đất	Số Thông báo thu hồi đất	Ngày thông báo thu hồi đất	Số Bv	Số BV VPĐK	Số trích lục	Ghi chú
62	12	39	ông Hoàng Văn Thanh và bà Trần Thị Trang	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	61	150	đất trồng lúa nước còn lại	446,2	185	18/03/2026	BV7			
63			ông Hoàng Văn Thanh và bà Trần Thị Trang	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	61	152	đất trồng lúa nước còn lại	532,1	186	18/03/2026	BV7			
64			ông Hoàng Văn Thanh và bà Trần Thị Trang	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	61	153	đất trồng cây hằng năm khác	279,1	187	18/03/2026	BV7			
65			ông Hoàng Văn Thanh và bà Trần Thị Trang	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	61	154	đất trồng cây hằng năm khác	2.079,2	188	18/03/2026	BV7			
66			ông Hoàng Văn Thanh và bà Trần Thị Trang	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	61	185	đất trồng cây hằng năm khác	116,5	189	18/03/2026	BV7			
67			ông Hoàng Văn Thanh và bà Trần Thị Trang	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	61	186	đất trồng cây hằng năm khác	157,5	190	18/03/2026	BV7			
68			ông Hoàng Văn Thanh và bà Trần Thị Trang	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	61	313	đất trồng lúa nước còn lại	117,5	192	18/03/2026	BV7			
69			ông Hoàng Văn Thanh và bà Trần Thị Trang	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	61	315	đất trồng lúa nước còn lại	216,8	193	18/03/2026	BV7			
70	13	53	ông Nguyễn Văn Giang và bà Nguyễn Thị Phương	Ấp 7, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	61	318	đất trồng lúa nước còn lại	15,1	217	18/03/2026	BV7			
71			ông Nguyễn Văn Giang và bà Nguyễn Thị Phương	Ấp 7, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	61	322	đất trồng lúa nước còn lại	8,8	218	18/03/2026	BV7			
72	14	57	bà Hồ Thị Thủy cùng sử dụng đất với bà Hồ Thị Thu	Ấp Tân Bình 2 Xuân Phú Đồng Nai; Tổ 1, ấp Tây Minh, xã Xuân Phú, thành phố Đồng Nai	62	363	đất trồng cây lâu năm	1.011,5	224	18/03/2026	BV7			
73	15	61	ông Nguyễn Đăng Tuyển	Ấp 6, Xuân Đông, Đồng Nai	62	371	đất ở tại nông thôn	4,1	228	18/03/2026	BV7			
74			ông Nguyễn Đăng Tuyển	Ấp 6, Xuân Đông, Đồng Nai	62	372	đất trồng cây lâu năm	1.134,9	229	18/03/2026	BV7			
75	16	69	ông Nguyễn Văn Hòa	Ấp 9, Xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	67	60	đất trồng cây lâu năm	2.656,6	247	18/03/2026	BV8			
76			ông Nguyễn Văn Hòa	Ấp 9, Xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	67	62	đất trồng cây hằng năm khác	4.517,4	248	18/03/2026	BV8			
77	17	75	ông Nguyễn Văn Chương và bà Lê Thị Huệ	Ấp 1, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	68	485	đất trồng cây hằng năm khác	2.109,5	256	18/03/2026	BV8			
78			ông Nguyễn Văn Chương và bà Lê Thị Huệ	Ấp 1, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	68	73	đất trồng cây lâu năm	4.577,0	255	18/03/2026	BV8			
79			ông Nguyễn Văn Chương và bà Lê Thị Huệ	Ấp 1, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	68	71	đất trồng cây hằng năm khác	944,4	254	18/03/2026	BV8			
80	18	89	ông Cao Văn Phú và bà Đặng Thị Xuân Hương	Ấp 1, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	60	269	đất trồng cây hằng năm khác	303,4	276	18/03/2026	BV8			
81			ông Cao Văn Phú và bà Đặng Thị Xuân Hương	Ấp 1, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	60	168	đất trồng cây hằng năm khác	3.294,8	274	18/03/2026	BV8			
82			ông Cao Văn Phú và bà Đặng Thị Xuân Hương	Ấp 1, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	60	301	đất trồng cây hằng năm khác	1.361,7	277	18/03/2026	BV8			
83			ông Cao Văn Phú và bà Đặng Thị Xuân Hương	Ấp 1, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	60	205	đất trồng cây hằng năm khác	3,9	275	18/03/2026	BV8			
84	19	95	ông Lâm Cá Phúc và bà Phan Thị Ngọc Dung	Ấp 1, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	67	273	đất trồng cây lâu năm	334,2	286	18/03/2026	BV8			
85	20	96	ông Lâm Cá Vồ và bà Trần Há Múi	Ấp 1, xã Xuân Đông, Tp Đồng Nai	67	274	đất trồng cây lâu năm	317,0	287	18/03/2026	BV8			
86	21	97	ông Lâm Cá Sầu và bà Sầu Sám Mùi	Ấp 1, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	67	275	đất trồng cây lâu năm	295,1	288	18/03/2026	BV8			
87	22	98	ông Lâm Cá Phạt	Ấp 1, xã Xuân Đông, tỉnh Đồng Nai	67	276	đất trồng cây lâu năm	859,7	289	18/03/2026	BV8			
88	23	105	ông Nguyễn Doãn Định và bà Nguyễn Thị Sinh	Tổ 26, ấp Tam Hiệp, xã Xuân Lộc, thành phố Đồng Nai	67	335	đất trồng cây hằng năm khác	1.970,8	296	18/03/2026	BV8			

STT thửa đất	STT hộ	Mã hồ sơ	Tên	Địa chỉ	Số tờ mới	Số thửa mới	Loại đất thu hồi	DT Thu hồi đất	Số Thông báo thu hồi đất	Ngày thông báo thu hồi đất	Số Bv	Số BV VPĐK	Số trích lục	Ghi chú
89	24	125	ông Lường Tác Sáng	Ấp 3, Xuân Đông, Đồng Nai	66	156	đất trồng cây hằng năm khác	12.635,5	322	18/03/2026	BV9			
90			ông Lường Tác Sáng	Ấp 3, Xuân Đông, Đồng Nai	66	157	đất trồng cây hằng năm khác	103,0	323	18/03/2026	BV9			
91			ông Lường Tác Sáng	Ấp 3, Xuân Đông, Đồng Nai	66	158	đất trồng cây hằng năm khác	107,8	324	18/03/2026	BV9			
92			ông Lường Tác Sáng	Ấp 3, Xuân Đông, Đồng Nai	66	159	đất trồng cây hằng năm khác	62,1	325	18/03/2026	BV9			
93			ông Lường Tác Sáng	Ấp 3, Xuân Đông, Đồng Nai	66	160	đất trồng cây hằng năm khác	47,9	326	18/03/2026	BV9			
94			ông Lường Tác Sáng	Ấp 3, Xuân Đông, Đồng Nai	66	161	đất trồng cây hằng năm khác	0,9	327	18/03/2026	BV9			
95			ông Lường Tác Sáng	Ấp 3, Xuân Đông, Đồng Nai	66	180	đất trồng cây hằng năm khác	57,5	328	18/03/2026	BV9			
96			ông Lường Tác Sáng	Ấp 3, Xuân Đông, Đồng Nai	66	181	đất trồng cây hằng năm khác	220,6	329	18/03/2026	BV9			
97			ông Lường Tác Sáng	Ấp 3, Xuân Đông, Đồng Nai	66	182	đất trồng cây hằng năm khác	124,3	330	18/03/2026	BV9			
98			ông Lường Tác Sáng	Ấp 3, Xuân Đông, Đồng Nai	66	183	đất trồng cây hằng năm khác	120,3	331	18/03/2026	BV9			
99			ông Lường Tác Sáng	Ấp 3, Xuân Đông, Đồng Nai	66	184	đất trồng cây hằng năm khác	148,5	332	18/03/2026	BV9			
100			ông Lường Tác Sáng	Ấp 3, Xuân Đông, Đồng Nai	66	185	đất trồng cây hằng năm khác	159,1	333	18/03/2026	BV9			
101			ông Lường Tác Sáng	Ấp 3, Xuân Đông, Đồng Nai	66	186	đất trồng cây hằng năm khác	113,1	334	18/03/2026	BV9			
102	25	138	ông Ngô Quang Khách	ấp Gia Ray 7, xã Xuân Lộc, thành phố Đồng Nai	66	364	đất trồng cây lâu năm	17,4	352	18/03/2026	BV9			
TỔNG: 25 hộ gia đình cá nhân/102 thửa đất								71.107,0						